

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC**

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Đất nước học Trung Quốc

2. Mã học phần: NNTQ 001

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên đại học năm thứ tư (kỳ I)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 giờ lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc.

7. Giảng viên

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email |
|-----|-------------------------|---------------|----------------------|
| 1 | ThS. Bùi Thị Trang | 0978.693.593 | bttrang@saodo.edu.vn |
| 2 | ThS. Nguyễn Thị Lan | 0914.772.563 | ntlans@saodo.edu.vn |
| 3 | ThS. Hứa Thị Xuyên | 0364.452.107 | htxuyen@saodo.edu.vn |
| 4 | TS. Phạm Thị Thảo | 0912.294.702 | ptthao@saodo.edu.vn |

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Đất nước học Trung Quốc gồm 14 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 2 phần lớn: Bài đọc, luyện tập. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát nhất về điều kiện tự nhiên, lịch sử, chính trị, khoa học, ngoại giao, dân số, dân tộc của đất nước Trung Quốc.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu | Mô tả mục tiêu | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|----------|---|----------------------------|--------------------------------------|
| MT1 | Kiến thức | | |
| MT1.1 | Nắm vững hệ thống từ vựng theo các chủ đề trong học phần: Vị trí địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội... | 3 | [1.2.1.2c] |

| Mục tiêu | Mô tả mục tiêu | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|-----------------|---|-----------------------------------|---|
| MT1.2 | Có kiến thức cơ bản về nền văn minh Trung Quốc theo giai đoạn và khu vực. | 3 | [1.2.1.2c] |
| MT1.3 | Có kiến thức về đất nước học Trung Quốc để so sánh với đất nước học Việt Nam. | 3 | [1.2.1.2c] |
| MT2 | Kỹ năng | | |
| MT2.1 | Có kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu những tài liệu nghiên cứu về các đề tài có liên quan đến lĩnh vực văn hóa lịch sử Trung Quốc. | 3 | [1.2.2.1] |
| MT2.2 | Phân tích, thuyết trình những chủ đề liên quan đến văn hóa đất nước con người Trung Hoa. | 3 | [1.2.2.1] |
| MT2.3 | Có khả năng tổng hợp tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet (Trung Quốc) để phục vụ cho hoạt động học tập và công việc sau này. | 3 | [1.2.2.1] |
| MT3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | 3 | |
| MT3.1 | Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội. | 3 | [1.2.3.1] |
| MT3.2 | Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. | 3 | [1.2.3.1] |

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CDR học phần | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------------------|--|
| CDR1 | Kiến thức | | |
| CDR1.1 | Nắm vững các kiến thức về lịch sử, điều kiện tự nhiên và con người của Trung Quốc. | 3 | [2.1.4] |
| CDR1.2 | Nắm vững các kiến thức về nền chính trị của Trung Quốc. | | |
| CDR1.3 | Nắm vững các kiến thức về nền kinh tế Trung Quốc. | | |
| CDR1.4 | Nắm vững các kiến thức về tình hình xã hội của Trung Quốc. | | |
| CDR1.5 | Tổng quan các kiến thức về điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của Trung Quốc để ứng dụng vào công tác biên phiên dịch tiếng Trung. | 3 | |
| CDR2 | Kỹ năng | | |

| CDR học phần | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------------------|--|
| CDR2.1 | Nghe, nói, đọc, viết được những thuật ngữ chuyên ngành về địa lý, kinh tế, giáo dục, triết học... | 2 | [2.2.2] [2.2.3] |
| CDR2.2 | Thuyết trình một cách trôi chảy, mạch lạc về một vấn đề liên quan đến chủ đề đất nước học Trung Quốc: điều kiện tự nhiên và con người, chính trị, xã hội... | 3 | |
| CDR2.3 | Áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện tốt các bài dịch có nội dung về chủ đề đất nước và con người Trung Quốc. | 3 | |
| CDR2.4 | Áp dụng các kiến thức về Đất nước học Trung Quốc vào công việc biên phiên dịch tiếng Trung. | 3 | |
| CDR3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| CDR3.1 | Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập. | 3 | [2.3.1] |
| CDR3.2 | Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu. | | |
| CDR3.3 | Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả. | | |
| CDR3.4 | Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu. | | |

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

| Bài | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | | | | | | | | |
|-----|-------------------|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | | CDR1 | | | | | CDR2 | | | | CDR3 | | | |
| | | CDR 1.1 | CDR 1.2 | CDR 1.3 | CDR 1.4 | CDR 1.5 | CDR 2.1 | CDR 2.2 | CDR 2.3 | CDR 2.4 | CDR 3.1 | CDR 3.2 | CDR 3.3 | CDR 3.4 |
| 1 | 第一章 国旗、国歌、国徽 | X | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 2 | 第二章 中国的政区划 | X | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 3 | 第三章 中国的地理与资源 | X | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 4 | 第四章 中国的人口、民族与语言文字 | X | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 5 | 第五章 中国的历史 | X | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 6 | 第六章 中国的政治制度 | | X | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 7 | 第七章 中国的经济 | | | X | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 8 | 第八章 中国外交 | | X | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 9 | 第九章 中国的科技 | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 10 | 第十章 中国的教育 | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 11 | 第十一章 中国的传统思想 | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 12 | 第十二章 中国的文学 | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 13 | 第十三章 中国的艺术 | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 14 | 第十四章 中国的习俗 | | | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi |
|--------------|---|
| CDR1 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên. |
| CDR2 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần. |
| CDR3 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên. |

11.2. Cách tính điểm học phần Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------|--------------------------------------|
| 1 | Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần | 01 điểm | 20% | Điểm trung bình của các lần đánh giá |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa học phần | 01 điểm | 30% | |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | 01 điểm | 50% | |

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (Thời gian: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] – Đại học Sao Đỏ (2019), *Tài liệu học tập Đất nước học Trung Quốc*.

- Tài liệu tham khảo:

[2] – 宁继鸣 (2018), *中国概况教程*, 北京大学出版社.

[3] – 吴平 (2014), *中国概况教程*, 北京大学出版社.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CĐR học phần |
|----|--|-----------------|---|---|
| 1 | <p>第一章 国旗、国歌、国徽</p> <p>Mục tiêu bài: Hiểu vững kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm, sự ra đời của quốc kỳ, quốc ca và quốc huy của Trung Quốc.</p> <p>Nội dung cụ thể: 1.1. 国旗、国徽与国歌 1.2. 国旗、国徽、国歌的诞生过程</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, cung cấp cho sinh viên các thông tin về đặc điểm, sự ra đời của quốc kỳ, quốc ca và quốc huy của Trung Quốc. + Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 1-4. [2]: trang 2-7. [3]: trang 91-92. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả.</p> | CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |
| 2 | <p>第二章 中国的政区划</p> <p>Mục tiêu bài: Hiểu vững kiến thức cơ bản nhất về các cấp đơn vị hành chính của Trung Quốc: phân chia đơn vị hành chính, các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực hành chính đặc biệt.</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm.; Sơ đồ tư duy.</p> <p>- Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về các cấp đơn vị hành chính của Trung Quốc. + Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho</p> | CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|-----------------|---|---|
| | <p>Nội dung cụ thể: 2.1. 行政区域的划分 2.2. 省与自治区 2.3. 直辖市与特别行政区</p> | | <p>cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học, vẽ sơ đồ tư duy về các cấp đơn vị hành chính của Trung Quốc + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 5-14. [2]: trang 9-24. [3]: trang 58-61. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả thảo luận, bản đồ tư duy.</p> | |
| 3 | <p>第三章 中国的地理与资源 Mục tiêu bài: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về địa lý và tài nguyên của Trung Quốc. Nội dung cụ thể: 3.1. 地理 3.2. 资源</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm; Sơ đồ tư duy. - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về địa lý và tài nguyên của Trung Quốc. + Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học, vẽ sơ đồ tư duy về địa lý và các nguồn tài nguyên của Trung Quốc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên:</p> | CDR1.1, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|-----------------|--|---|
| | | | + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 15-19. [2]: trang 25-33. [3]: trang 47-57. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả thảo luận, bản đồ tư duy. | |
| 4 | <p>第四章 中国的人口、民族与语言文字 Mục tiêu bài: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về dân số, đặc điểm các dân tộc ở Trung Quốc, về chính sách dân tộc tại Trung Quốc, ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc, về dự báo xu hướng phát triển vấn đề dân tộc tại Trung Quốc theo đánh giá của các học giả tại Trung Quốc hiện nay. Nội dung cụ thể: 4.1. 人口 4.2. 民族 4.3. 汉字、方言与普通话</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về dân số, đặc điểm các dân tộc ở Trung Quốc, về chính sách dân tộc tại Trung Quốc, ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc, về dự báo xu hướng phát triển vấn đề dân tộc tại Trung Quốc theo đánh giá của các học giả tại Trung Quốc hiện nay. + Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 20-29. [2]: trang 36-53. [3]: trang 96-115. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép</p> | CDR1.1, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|-----------------|--|---|
| | | | bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả. | |
| 5 | 第五章 中国的历史 Mục tiêu bài: Hiểu vững kiến thức cơ bản nhất về lịch sử cổ đại, cận đại và hiện đại của Trung Quốc. Nội dung cụ thể: 5.1. 古代 5.2. 近代 5.3. 现代 | 3 (3LT, 0TH) | Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm.; Sơ đồ tư duy. - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về lịch sử cổ đại, cận đại và hiện đại của Trung Quốc. + Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học, vẽ sơ đồ về lịch sử Trung Quốc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 30-42. [2]: trang 56-76. [3]: trang 1-46. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả thảo luận, bản đồ tư duy. | CDR1.1, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 6 | 第六章 中国的政治制度 Mục tiêu: Hiểu vững kiến thức cơ bản nhất về chế độ chính trị của Trung | 3 (3LT, 0TH) | Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm.; Sơ đồ tư duy. - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. | CDR1.2, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|-----------------|---|---|
| | <p>Quốc: thể chế chính trị, cơ cấu quốc gia và chế độ tư pháp.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. 政治体制 6.2. 国家机构 6.3. 司法制度</p> | | <p>+ Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về chế độ chính trị của Trung Quốc: thể chế chính trị, cơ cấu quốc gia và chế độ tư pháp.</p> <p>+ Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học, vẽ sơ đồ tư duy về chế độ chính trị của Trung Quốc.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: trang 43-48. [2]: trang 78-87. [3]: trang 89-95.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</p> <p>+ Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả thảo luận, bản đồ tư duy.</p> | CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 7 | <p>第七章 中国的经济</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về kinh tế của Trung Quốc: tổng quan kinh tế, khái quát về kinh tế các ngành nghề và mối quan hệ giữa nền kinh tế và đời sống người dân.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. 国民经济综述 7.2. 产业经济概况 7.3. 经济与中国人的</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài.</p> <p>+ Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về kinh tế của Trung Quốc: tổng quan kinh tế, khái quát về kinh tế các ngành nghề và mối quan hệ giữa nền kinh tế và đời sống người dân.</p> <p>+ Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm.</p> | CDR1.3, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|----------------------|--|---|
| | 生活 | | <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 49-56. [2]: trang 90-100. [3]: trang 116-132. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả. | |
| 8 | <p>第八章 中国外交</p> <p>Mục tiêu bài: Nhằm vững kiến thức cơ bản nhất về vấn đề ngoại giao của Trung Quốc: chính sách ngoại giao, quan hệ đối ngoại.</p> <p>Nội dung cụ thể: 8.1. 外交政策 8.2. 当代外交 8.3. 对外关系</p> <p>- Kiểm tra giữa học phần</p> | 6 (4LT, 0TH, 2KT) | <p>Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, cung cấp cho sinh viên các thông tin về vấn đề ngoại giao và các chính sách ngoại giao của Trung Quốc. + Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 57-61. [2]: trang 102-112. [3]: trang 151-160. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép | CDR1.2, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|-----------------|---|---|
| | | | bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả. + Làm bài kiểm tra giữa học phần. | |
| 9 | 第九章 中国的科技 Mục tiêu bài: Hiểu vững kiến thức cơ bản nhất về những thành tựu khoa học kỹ thuật cổ đại và hiện đại của Trung Quốc. Nội dung cụ thể: 9.1. 古代科技 9.2. 现代科技成就 9.3. 中医、陶瓷与丝绸 | 3 (3LT, OTH) | Thuyết trình; Trực quan; Phát vấn; Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về những thành tựu khoa học kỹ thuật cổ đại và hiện đại của Trung Quốc. + Phân nhóm, giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 62-69 [2]: trang 114-124 [3]: trang 239-248. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả. | CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 10 | 第十章 教育 Mục tiêu bài: Hiểu vững kiến thức cơ bản nhất về nền giáo dục của Trung Quốc: giáo dục cổ đại, | 3 (3LT, OTH) | Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm; Đàm thoại. - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. | CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|-----------------|---|---|
| | <p>cận đại và đương đại; hiện trạng của nền giáo dục; vấn đề thi đại học, giáo dục nông thôn và vấn đề giao lưu giáo dục quốc tế.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>10.1. 古代教育 10.2. 近现代教育 10.3. 当代教育 10.4. 教育现状 10.5. 高考制度、农村教育与国际教育交流</p> | | <p>+ Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về nền giáo dục của Trung Quốc: giáo dục cổ đại, cận đại và đương đại; hiện trạng của nền giáo dục; vấn đề thi đại học, giáo dục nông thôn và vấn đề giao lưu giáo dục quốc tế.</p> <p>+ Giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: trang 70-77. [2]: trang 126-139. [3]: trang 229-238.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</p> <p>+ Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả.</p> | CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 11 | <p>第十一章 中国的传统思想</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về tư tưởng truyền thống của Trung Quốc: tư tưởng Nho gia, tư tưởng Đạo gia, tư tưởng phật giáo, tư tưởng pháp gia, Mặc gia và binh gia.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>11.1. 儒家思想</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm; Đàm thoại.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài.</p> <p>+ Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về tư tưởng truyền thống của Trung Quốc.</p> <p>+ Giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội</p> | CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|-----------------|--|---|
| | 11.2. 道家思想 11.3. 佛教禅宗思想 11.4. 法家、墨家与兵家思想 | | dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 78-86. [2]: trang 142-155. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả. | |
| 12 | 第十二章 中国的文学 Mục tiêu bài: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về văn học Trung Quốc: văn học cổ đại, văn học đương đại, văn học trên mạng và các tác giả 8x. Nội dung cụ thể: 12.1. 古代文学 12.2. 现当代文学 12.3. 网络文学与“80后”作家 | 3 (3LT, 0TH) | Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm; Đàm thoại. - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về văn học Trung Quốc. + Giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 87-100. [2]: trang 158-173. [3]: trang 172-200. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả. | CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|-----------------|---|---|
| 13 | <p>第十三章 中国的艺术</p> <p>Mục tiêu bài: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về các bộ môn nghệ thuật của Trung Quốc: thư pháp, hội họa, kinh kịch, điện ảnh, âm nhạc, vũ đạo, kiến trúc...</p> <p>Nội dung cụ thể: 13.1. 书法·绘画 13.2. 戏剧·影视 13.3. 音乐·舞蹈 13.4. 传统建筑</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm; Đàm thoại.</p> <p>- Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, cung cấp cho sinh viên các thông tin về các bộ môn nghệ thuật của Trung Quốc: thư pháp, hội họa, kinh kịch, điện ảnh, âm nhạc, vũ đạo, kiến trúc... + Giao nhiệm vụ cho cá nhân và các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: trang 101-119. [2]: trang 176-197. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả.</p> | CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 14 | <p>第十四章 中国的习俗</p> <p>Mục tiêu bài: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về phong tục tập quán của Trung Quốc.</p> <p>Nội dung cụ thể: 14.1. 传统节日 14.2. 饮食文化 14.3. 其他习俗</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm; Đàm thoại.</p> <p>- Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài học, cung cấp cho sinh viên các thông tin về phong tục tập quán của Trung Quốc. + Giao nhiệm vụ cho cá nhân và</p> | CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--------------------|---------|--|--------------|
| | | | <p>các nhóm.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nội dung bài học.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: trang 120-127 [2]: trang 200-214</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</p> <p>+ Suy nghĩ trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả.</p> | |

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa